**Bài 9: Âm vang của lịch sử**

**(Truyện lịch sử)**

**Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trang 67**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Nhận diện và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Xác định và phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn để của xã hội đương đại; đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể.

- Nhận diện và phân tích được đặc điểm và chức năng của thành phần biệt lập trong câu.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: Trân trọng lịch sử, tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Em hãy chia sẻ cảm nhận của em về việc đọc một cuốn sách hay xem một bộ phim ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi

- GV theo dõi, quan sát HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân

\* Sản phẩm dự kiến:

- Cảm xúc của HS:

+ Những cuốn sách hay bộ phim góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta thêm phong phú, thú vị.

+ Hành trình khám phá...

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Khi đọc một cuốn sách, xem một bộ phim chúng ta như được tham gia vào hành trình khám phá những vùng đất mới; du hànhvào tâm hồn con người để hiểu thêm về người khác và bản thân. Những cuốn sách, bộ phim, vì vậy, đã góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta thêm phong phú, thú vị.

Làm thế nào để chia sẻ những cuốn sách, bộ phim hay với người khác? Bài học này sẽ giúp em học được điểu đó qua những văn bản thông tin giới thiệu về một cuốn sách hoặc bộ phim.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giới thiệu:** Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Cánh cửa mở ra thế giới, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng về sựu trung thực trong cuộc sống.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng |  |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Xác định và phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  *-*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Trình bày được khái niệm truyện lịch sử.*  *+ Trình bày các đặc điểm của truyện lịch sử qua các yếu tố (bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ…)*  *+ Trình bày khái niệm cốt truyện đơn tuyến, đa tuyến, cốt truyện trong lịch sử.*  *+ Thế nào là nhân vật?*  *+ Thế nào là ngôn ngữ?*  *+ Trình bày chức năng và đặc điểm của câu kể, câu hỏi, câu cảm và câu khiến.*  *+ Trình bày chức năng và đặc điểm của câu khẳng định và câu phủ định.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1. Truyện lịch sử**  - Truyện lịch sử là loại truyện lấy đề tài lịch sử (lịch sử quốc gia, dân tộc, dòng họ, danh nhân ...) làm nội dung chính. Trong khi kể lại các sự kiện, nhân vật, truyện lịch sử thường làm sống dậy bức tranh rộng lớn, sinh động về một thời đã qua và mang lại cho người đọc những nhận thức mới mẻ hay bài học sâu sắc.  - Đặc điểm của truyện lịch sử thể hiện qua các yếu tố như bối cảnh (thời gian – không gian), cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ...  - Bối cảnh (thời gian – không gian): Truyện lịch sử tái hiện sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với một khoảng thời gian năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. Quá khứ ấy thường cách xa thời điểm tác giả viết tác phẩm. Không gian truyện lịch sử gắn với thời gian, xác định niên đại, thời đại cụ thể. Trong bối cảnh (thời gian – không gian) ấy, cuộc sống con người và không khí thời đại hiện lên rõ nét, không lẫn với thời gian, không gian khác.  - Cốt truyện đơn tuyến là cốt truyện chỉ có một chuỗi sự kiện đơn giản, gắn với một vài nhân vật chính tạo thành một tuyển truyện duy nhất. Các truyện ngụ ngôn, truyện cười dân gian và phần lớn các truyện ngắn hiện đại thường có loại cốt truyện này.  - Cốt truyện đa tuyến là cốt truyện có từ hai chuỗi sự kiện trở lên, gắn với hai hay hơn hai tuyến nhân vật, tạo thành nhiều tuyển truyện, đan xen nhau và ít nhiều độc lập với nhau. Các tác phẩm tự sự nhiều chương hồi như truyện lịch sử, truyện khoa học viễn tưởng, truyện trinh thám, tiểu thuyết hiện đại ... thường dùng cốt truyện đa tuyến.  - Cốt truyện đa tuyến là cốt truyện có từ hai chuỗi sự kiện trở lên, gắn với hai hay hơn hai tuyến nhân vật, tạo thành nhiều tuyển truyện, đan xen nhau và ít nhiều độc lập với nhau. Các phẩm tự sự nhiều chương hội như truyện lịch sử, truyện khoa học viễn tưởng, truyện trinh thám, tiểu thuyết hiện đại... thường dùng cốt truyện đa tuyến.  - Cốt truyện trong truyện lịch sử: Truyện lịch sử cần kết nối nhiều loại sự kiện liên quan đến quá trình hình thành, hưng thịnh, diệt vong của các nhà nước, những biến cố lớn trong đời sống xã hội ở một quốc gia, quan hệ giữa các quốc gia... nên thường sử dụng cốt truyện đa tuyến. Đó là kiểu cốt truyện trình bày một hệ thống sự kiện phức tạp, liên quan đến nhiều tuyến nhân vật vận động, phát triển đồng thời. Các tuyến sự kiện này có thể được kể song hành, đan xen nhau trong cùng một chương/ hồi của truyện. Ví dụ trong Hoàng Lê nhất thống chỉ có các tuyến truyện: (1) Tuyến về Chúa Trịnh – Vua Lê gắn với quá trình suy tàn của chính quyền phong kiến Lê – Trịnh dẫn đến cảnh triệt hạ, tàn sát lẫn nhau để tranh giành quyền lực; (2) Tuyến về Quang Trung Nguyễn Huệ với những chiến công oanh liệt từ những lần tiến quân ra Bắc dẹp loạn, đánh đuổi ngoại xâm, bảo vệ bờ cõi ...  - Nhân vật: Trong truyện lịch sử, nhân vật chính thường là những nhân vật mà cuộc sống, sự nghiệp của họ có ảnh hưởng đến tiến trình lịch sử của một dòng tộc, một quốc gia... tên tuổi, công trạng được ghi chép trong lịch sử. Nhân vật phụ trong truyện thưởng do người viết bổ sung, có thể không có vai trò quan trọng về lịch sử, nhưng cần thiết cho việc làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính.  - Đối với các nhân vật, sự kiện có thật, gắn với bối cảnh thời gian – không gian xác định trong quá khứ, được các tài liệu lịch sử ghi chép lại hoặc người đời truyền tụng, người viết truyện lịch sử thường tôn trọng, tái hiện một cách chân thực. Nhưng để tái hiện, làm sống dậy các sự kiện, nhân vật ấy, nhà văn phải sử dụng trí tưởng tượng của mình để tạo ra các chi tiết về ngoại hình, hành vi, tâm lí, lời nói... của nhân vật chính; tạo ra các nhân vật phụ, cảnh quan, không khí lịch sử bao quanh nhân vật. Vì thể, truyện lịch sử cần đến sự hư cấu.  - Ngôn ngữ Truyện lịch sử cần tái hiện bối cảnh cụ thể của một niên đại, thời đại đã qua nên ngôn ngữ tác phẩm thường mang đậm sắc thái lịch sử. Sắc thái này thể hiện qua các hệ thống chi tiết miêu tả thiên nhiên, đồ vật, ngoại hình nhân vật, cách sử dụng từ ngữ của người kể chuyện, cách nghĩ, cách nói năng của nhân vật trong một bối cảnh lịch sử cụ thể.  **2. Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến**   | **Kiểu câu** | **Chức năng** | **Đặc điểm** | | --- | --- | --- | | Câu kể  (Câu trần thuật) | Kể, miêu tả, thông báo, nhận định… | Thường kết thúc bằng dấu chấm (.) | | Câu hỏi  (Câu nghi vấn) | Hỏi. | - Sử dụng các từ nghi vấn (ai, gì, nào, tại sao, vì sao, bao giờ…)  - Kết thúc bằng dấu chấm hỏi (?) | | Câu cảm | Biểu lộ cảm xúc của người nói (hoặc người viết) | - Sử dụng các từ ngữ cảm thán: ôi, chao, chao ôi, chà, trời… hoặc các từ chỉ mức độ của cảm xúc như: quá, lắm, thật…  - Thường kết thúc bằng dấu chấm than (!). | | Câu khiến) | Yêu cầu, đề nghị, ra lệnh…) | - Sử dụng những từ ngữ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ, đi, nào…  - Thường kết thúc bằng dấu chấm than (!). |   **3. Câu khẳng định, câu phủ định**   | **Kiểu câu** | **Chức năng** | **Đặc điểm** | | --- | --- | --- | | Câu  khẳng định | Khẳng định các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc… trong câu. | - Thường không có phương tiện diễn đặt riêng.  - Có thể bắt gặp trong câu khẳng định những cấu trúc: không phải không, không thể không, không ai không… | | Câu  phủ định | Phủ nhận các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc… trong câu. | - Thường sử dụng các từ ngữ phủ định như: không, chẳng, không phải, chẳng phải, chả…  - Có thể bắt gặp trong câu phủ định những cấu trúc: làm gì…, mà…  Ví dụ: Nó làm gì biết. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:*Vẽ sơ đồ tư duy trình bày phần tri thức Ngữ văn vừa được học.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: Ôn tập kiến thức lý thuyết đã được học.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Hoàng lê nhất thống chí**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: *cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.*

- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Cảm nhận và yêu thích truyện lịch sử.

- Trân trọng lịch sử, tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Câu hỏi: *Em biết gì về thời Vua Lê – Chúa Trịnh hay về những chiến công của Hoàng đế Quang Trung. Hãy chia sẻ cùng các bạn.*

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS.

GV dẫn vào bài mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giới thiệu được một số nét khái quát về tác giả, xuất xứ, thể loại của tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ, hoạt động cặp đôi.  *+ HS tìm hiểu khái quát về tác giả Ngô gia văn phái.*  *+ Xác định xuất xứ, vị trí và bố cục của văn bản Hoàng Lê Nhất thống chí.*   * HS nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **1. Tác giả: Ngô gia văn phái**  - Là một nhóm tác giả Việt Nam thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội).  - Ngô Chi Thất và Ngô Trân là người đề xướng và dựng nên Văn phái, về sau được mệnh danh là Ngô gia văn phái.  - Ngô gia văn phái gồm 20 tác giả thuộc 9 thế hệ trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí (1753 – 1788) làm quan thời Lê Chiêu Thống và Ngô Thì Du (1772-1840), làm quan dưới triều nhà Nguyễn.  *- Là một nhóm các nhà văn Việt Nam thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội ). Ngô Chi Thất và Ngô Trân là người đề xướng và dựng nên Văn phái, về sau được mệnh danh là Ngô gia văn phái, gồm 20 tác giả thuộc 9 thế hệ, trên dưới 200 năm, từ đầu thế kỷ thứ 17 đến đầu thế kỷ thứ 20.*  **2. Tác phẩm**  ***a. Hoàng Lê nhất thống chí***  - Tác phẩm viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê.  - Cũng có thể xem Hoàng Lê nhất thống chí là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi bởi nó không chỉ dừng ở sự nhất thống của vương triều nhà Lê mà còn được viết tiếp tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào khoảng ba mươi năm cuối của thế kỉ XVIII và mấy năm đầu thế kỉ XIX.  - Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi.  ***b. Đoạn trích***  ***Vị trí đoạn trích***  - Trích phần lớn hồi mười bốn, viết về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh.  ***Bố cục (3 phần)***  - Phần 1: (từ đầu đến *“...hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng cháp năm Mậu Thân 1788”*): được tin báo quân Thanh chiếm Thăng Long, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và thân chinh cầm quân dẹp giặc.  - Phần 2: (tiếp theo đến *“… vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành”*): Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.  - Phần 3: (còn lại): Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm bại của vua tôi Lê Chiêu Thống. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: *cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.*

- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + *Vẽ sơ đồ tóm tắt chuỗi sự kiện chính trong đoạn trích Hồi thứ hai và hồi thứ mười bốn. Chỉ ra mối liên hệ giữa hai đoạn trích.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Cốt truyện, các tuyến sự kiện**  **- S*ơ đồ tóm tắt của HS***  **- Mối liên hệ giữa hai đoạn trích:**  **- Hai hồi là hai tuyến truyện có tính độc lập nhất định nhưng liên quan mật thiết với nhau.**  (1) Tuyến thứ nhất là chuỗi sự kiện diễn ra nơi phủ chúa – cung vua (trong đoạn trích tập trung vào chuỗi sự kiện kiêu binh nổi loạn giết Quận Huy, truất ngôi Trịnh Cán, đưa Trịnh Tông lên ngôi); (2) tuyến thứ hai là chuỗi sự kiện về cuộc xâm lược nước ta của nhà Thanh; Vua Quang Trung đại phá quân Thanh; sự thảm bại và cuộc trốn chạy của đội quân xâm lược nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống (trong đoạn trích tập trung vào cuộc đại phá quân Thanh của Vua Quang Trung).  **- Mặt khác, giữa các sự kiện trong Hồi thứ hai và Hồi thứ mười bốn có mối quan hệ nhân quả.**  Chẳng hạn: Sự lục đục trong phủ chúa; xung đột quyền lợi giữa phủ chúa – cung vua và nỗi sợ hãi trước sức mạnh của Vua Quang Trung, nhà Tây Sơn (nguyên nhân) dẫn đến sự cầu viện nhà Thanh của Vua Lê Chiêu Thống (kết quả); cuộc xâm lược của đội quân nhà Thanh cùng sự bạc nhược, phản trắc của vua tôi Lê Chiêu Thống (nguyên nhân) dẫn đến việc Quang Trung lên ngôi vua, tiến quân ra Bắc, đại phá quân Thanh (kết quả). |
| **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp  - GV chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS thảo luận theo nhóm trả lời các câu hỏi:  Nhóm 1: *Nét tính cách nổi bật của nhân vật Vua Quang Trung được thể hiện trong văn bản là gì? Phân tích một số chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật nét tính cách ấy.*  Nhóm 2: *Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện của tác giả (chú ý cách sử dụng ngôi kể, kết hợp lời của người kể chuyện và lời của nhân vật ...).*  Nhóm 3,4: *So sánh thái độ, tình cảm của tác giả khi viết về Vua Quang Trung – nghĩa quân Tây Sơn và về anh em Trịnh Tông – đám kiêu binh; Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị và đội quân xâm lược nhà Thanh. Theo em, cách thể hiện thái độ như vậy có phù hợp với truyện lịch sử hay không? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **2. Nhân vật Vua Quang Trung, nghệ thuật kể chuyện, tình cảm của tác giả**  **a. Nhân vật vua Quang Trung**  - Nhà cầm quân tài ba, mưu lược.  (Phân tích một số chi tiết về nét tính cách tài ba, mưu lược: thể hiện qua các kế sách đầy mưu lược).  - Nhà chỉ huy quân sự tự tin, quyết đoán.  (Phân tích một số chi tiết về nét tính cách tự tin, quyết đoán: ví dụ về kế sách hành quân, tiến đánh thần tốc, việc mở tiệc khao quân, lời hẹn quân sĩ ăn Tết ở Thăng Long…).  - Vị hoàng đế/anh hùng “trăm trận trăm thắng”.  (Phân tích một số chi tiết về nét cốt cách anh hùng “trăm trận trăm thắng”: ví dụ phân tích tương quan lực lượng, sự thảm bại của đội quân nhà Thanh, các trận thắng liên tiếp khiến uy danh lẫy lừng…).  **b. Nghệ thuật kể chuyện**  Tác giả sử dụng ngôi kể thứ ba kết hợp với lời kể của các nhân vật để cho ta thấy được câu chuyện đa chiều và tường minh hơn. Không gian câu chuyện cũng được mở rộng ra , thông qua lời từng nhân vật ta thấy được tính cách và con người con của vua Quang Trung toàn diện hơn, đặc sắc hơn.  **c. Tình cảm của tác giả**  - Với Vua Quang Trung – nghĩa quân Tây Sơn:  + Thái độ của tác giả: nể trọng, ngợi ca  + Thể hiện trong truyện: Cách tường thuật, miêu tả tính kỉ luật, dũng mãnh, cách thể hiện chân dung Hoàng đế Quang Trung như một anh hùng chiến trận, một vị vua mưu lược, bách chiến bách thắng…  **-** Với anh em Trịnh Tông – đám kiêu binh:  + Thái độ của tác giả: phê phán  + Thể hiện trong truyện: Cách tường thuật, miêu tả cảnh kiêu binh phò Trịnh Tông lên ngôi như một trò hề khôi hài, chưa từng thấy trong các nghi lễ đăng quang của hoàng đế…  - Với Tôn Sĩ Nghị và đội quân xâm lược nhà Thanh:  + Thái độ của tác giả: phê phán, chế giễu  + Thể hiện trong truyện: Cách tường thuật, miêu tả các cảnh thua trận, đặc biệt là cảnh chạy trốn nhục nhã của chúng.  => Nhận xét: Cách thể hiện thái độ phù hợp với truyện lịch sử. |
| **\* NV3**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + *Qua văn bản, em hiểu thêm điều gì về Vua Quang Trung và cuộc kháng chiến chống quân Thanh của nhân dân ta?*  *+ So sánh cốt truyện trong văn bản trên đây với cốt truyện trong một văn bản mà em đã đọc, chỉ ra điểm khác biệt và điểm tương đồng (nếu có) giữa cốt truyện đa tuyến với cốt truyện đơn tuyến.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **3. Nhận thức về nhân vật, bối cảnh**  **a. Về vua Quang Trung:**  - Là người anh hùng dân tộc đã lập nên kì tích xưa nay chưa từng có: với nghệ thuật dùng binh, tài thao lược, chỉ trong năm ngày đã đập tan đội quân xâm lược nhà Thanh, đuổi chúng về nước…  **b. Về cuộc kháng chiến chống quân Thanh:**  - Cho dù vua tôi Lê Chiêu Thống hèn hạ, “ôm chân” nhà Thanh xâm lược, quan dân ta thời ấy vẫn nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí độc lập tự cường và truyền thống đấu tranh bất khuất dưới sự lãnh đạo của Vua Quang Trung.  **4. Sự khác biệt giữa cốt truyện đa tuyến và đơn tuyến**  - Lập bảng so sánh hoặc đối chiếu hai sơ đồ cốt truyện đa tuyến (đã thực hiện ở câu 1) và cốt truyện đơn tuyến của truyện đã chọn. (4) HS chỉ ra điểm khác biệt (và tương đồng nếu có) giữa hai dạng cốt truyện trong sự liên hệ với ngữ liệu VB Hoàng Lê nhất thống chí và tác phẩm có cốt truyện đơn tuyến đã chọn |
| **\* NV3**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + *Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Văn bản “Hoàng Lê nhất thống chí” đã ghi lại lịch sử hào hùng của dân tộc ta, tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.  **2. Nghệ thuật**  - Kể chuyện xen kẽ miêu tả một cách sinh động cụ thể, gây được ấn tượng.  - Khắc họa hình tượng Nguyễn Huệ một cách rõ nét, mang đậm màu sắc sử thi.  - Kể lại các sự kiện một cách rành mạch, chân thực, khách quan, kết hợp yếu tố miêu tả với biện pháp nghệ thuật so sánh, đối lập.  - Miêu tả hành động, lời nói của nhân vật, từng trận đánh và những mưu lược tính toán, thế đối lập giữa hai đội quân một cách cụ thể. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên tổ chức trò chơi “ Ngôi sao may mắn ” qua hệ thống câu hỏi:

**Câu 1**: **Văn Hoàng Lê nhất thống chí thuộc thể loại nào?**

**A.** Truyện ngắn **B.** **Truyện lịch sử**

**C.** Truyền thuyết **D.** Truyện ngắn

**Câu 2**: **Đoạn trích Hoàng Lê nhất thống chí thuộc hồi thứ bao nhiêu?**

**A.** Hồi thứ 2 **B.** Hồi thứ 14

**C.** Hồi thứ 12 **D.** **Hồi thứ 2 và hồi thứ 14**

**Câu 3**: **Cuộc chiến của vua Quang Trung trước giặc nào của Trung Quốc?**

**A.** GiặcThanh    **B.** Giặc Minh

**C.** Giặc Ngô **D. Giặc Hán**

**Câu 4**: **Thái độ của vua tôi Lê Chiêu Thống khi giặc Thanh bị tiêu giệt?**

**A.** Vua tôi Lê Chiêu Thống xin cầu hòa trước vua Quang Trung

**B.** Vua tôi Lê Chiêu Thống chịu trận trước quân Tây Sơn

**C. Vua tôi Lê Chiêu Thống chạy trốn**

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Câu 5.** **Ý nói đúng nhất nội dung của Hồi thứ mười bốn (trích Hoàng Lê nhất thống chí) là gì?**

**A.** Ca ngợi hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ

**B.** Nói lên sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh

**C.** Nói lên số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống

**D. Cả A, B, C đều đúng**

**Câu 6**: **Tướng giặc Tôn Sĩ Nghị hèn nhát, thảm hại như như thế nào?**

**A. Sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…chuồn trước qua cầu phao.**

B. Sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…phảI nhờ thổ dân dẫn qua đường tắt chạy tháo thân.

C. Sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…dẫm đạt lên quân chạy thoát thân.

D. Sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…bị đứt cầu phao chết dưới sông.

**Câu 7.** **Vì đâu mà vua tôi Lê Chiêu Thống lại lâm vào tình trạng của kẻ vong quốc?**

A. Vì tham lam muốn mở rộng biên thuỳ.

**B. Vì mưu lợi riêng của dòng họ đã đem vận mệnh của dân tộc đặt vào tay quân xâm lược.**

C. Vì bỏ chạy theo quân Tôn Sĩ Nghị.

D.Vì vua Lê Chiêu Thống không còn tư cách của bặc quân vương

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tham gia trò chơi

B3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định:

GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa yêu cầu:*Dựa vào văn bản, hãy viết đoạn văn ngắn miêu tả lại chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung từ tối 30 đến ngày mồng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789).*

- HS nhận nhiệm vụ

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Viên tướng trẻ và con ngựa trắng**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Cảm nhận và yêu thích truyện lịch sử.

- Trân trọng lịch sử, tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Xem video <https://www.youtube.com/watch?v=Vt6frPcNkAI&t=32s> và chia sẻ suy nghĩ cùng các bạn

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS.

GV dẫn vào bài mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:**- HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về Đèo Ngang.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV 1.**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *HS trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn về tác giả.*  *+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản*  *Nêu xuất xứ của văn bản?*  *Văn bản thuộc thể loại nào?*  - HS nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - N[uyễn Huy Tưởng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Huy_T%C6%B0%E1%BB%9Fng) (1912 – 1960) là một nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng ở Việt Nam. - Ông là cha đẻ của những vở kịch nổi tiếng như: Vũ Như Tô, Bắc Sơn, Sống mãi với Thủ đô…  - Nguyễn Huy Tưởng được sinh ra trong một nhà Nho ở làng Dục Tú, Từ Sơn, Bắc Ninh, nay thuộc xã Dục Tú huyện Đông Anh, Hà Nội.  - Năm 1930, ông tham gia các hoạt động yêu nước của thanh niên học sinh ở Hải Phòng.  - Nguyễn Huy Tưởng là người sáng lập và giám đốc đầu tiên của nhà xuất bản Kim Đồng.  - Phong cách sáng tác: Trong những trang văn của Nguyễn Huy Tưởng luôn chất chứa đầy chất thơ của cuộc sống cùng với đó là những bài ca về tình yêu thương con người, đồng loại. Nguồn cảm hứng lớn nhất trong các tác phẩm của ông thiên về khai thác lịch sử. Ông viết văn để thể hiện tinh thần yêu nước.  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: trích từ các chương VIII, IX, X, XI, XIII  - Thể loại: Truyện lịch sử |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *Tóm tắt các sự kiện trong văn bản trên và cho biết các sự kiện được kể theo mấy tuyến. Đó là những tuyển nào? Điền vào PHT số 1*  Phiếu học tập số 1   | **Tuyến 1** | **Tuyến 2** | | --- | --- | |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ (HS hoạt động nhóm)**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Em hãy xác định nội dung bao quát của văn bản?*  *+ Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên thuộc thể loại truyện lịch sử?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **- GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ (HS hoạt động nhóm)**  - GV đặt câu hỏi:  *HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi*  *+ Hãy kể tên các nhân vật có trong truyện? Cho biết nhân vật chính là ai?*  *+ Nêu những nét tính cách nổi bật của nhân vật Hoài Văn Hầu?*  *+ Theo em, sự xuất hiện của các nhân vật như Thế Lộc, Chiêu Thành Vương có tác dụng gì trong việc thể hiện tính cách của nhân vật Hoài Văn Hầu?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **- GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ (HS hoạt động nhóm)**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Hình ảnh lá cờ thêu sáu chữ vàng, con ngựa trắng và đoàn quân gồm toàn những chàng trai trẻ.... Việc lặp lại các hình ảnh này có tác dụng thế nào trong việc thể hiện chủ đề của văn bản?*  *+ Nhận xét về nghệ thuật viết truyện lịch sử của tác giả (lưu ý cách sử dụng ngôi kể, cách quan sát, miêu tả nhân vật, tái hiện bối cảnh lịch sử; cách dùng lời người kể chuyện, lời của nhân vật;...)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **- GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV5:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ (HS hoạt động nhóm)**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Nhận xét về nghệ thuật viết truyện lịch sử của tác giả (lưu ý cách sử dụng ngôi kể, cách quan sát, miêu tả nhân vật, tái hiện bối cảnh lịch sử; cách dùng lời người kể chuyện, lời của nhân vật...)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **- GV chốt lại kiến thức.** | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Tóm tắt cốt truyện, các tuyến sự kiện**  - 2 tuyến  - (1) Trở về từ thuyền sau khi gặp vua và các tướng lĩnh nhưng không có kết quả, Hoài Văn chiêu mộ lính, lập một đội quân riêng của mình. Họ không đi đánh giặc theo lệnh vua mà tự mình đi tìm giặc để đánh, với khẩu hiệu “Phá cường địch báo hoàng ân”.  - (2) Đội quân vượt bao khó khăn đi tìm và phát hiện chúng dãy núi Ma Lục. Họ phục kích và dành được chiến thắng lớn. Hoài Văn còn hóa giải hiểu nhầm và kết tình anh em với Thế Lộc .Tiếp đó, Hoài Văn lại cứu được chú mình là Chiêu Thành Vương đánh trận bị mai phuc. Chiêu Thành Vương tự hào và mãn nguyện vô cùng vì có người cháu nhỏ tuổi, tài cao.   | **Tuyến 1** | **Tuyến 2** | | --- | --- | | Kể về đoàn quân của Hoài Văn và trận đánh của liên quân Thế Lộc và Hoài Văn | Kể về câu chuyện của Chiêu Vương Thành đi đánh đuổi Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc kẻ đầu hàng quân Nguyên nhưng bị phục kích, bất ngờ đội quân của Hoài Văn đã tới ứng cứu và giết hết quân giặc giải vòng vây cứu chú. |   **2. Nội dung**  - Nội dung bao quát của văn bản nói về vị tướng trẻ Hoài Văn Hầu một vị anh hùng anh dũng hiên ngang chiến đấu với quân giặc bảo vệ đất nước trước quân giặc, một người anh hùng chính trực căm ghét những người phản quốc. Khi thấu Chiêu Vương Thành đánh đuổi quân phản quốc gặp nạn thì ông không suy nghĩ nhiều về lợi ích hay mệnh lệnh được giao sẵn sàng ứng cứu. Đây là những trận chiến vì đất nước vì nhân dân.  - Đây là thể loại truyện lịch sử vì có dấu mốc thời gian và các sự kiện trong quá khứ về các trận đánh.  **3. Nhân vật**  - Các nhân vật: Hoài Văn Hầu, Chế Lộc, Chiêu Thành Vương, đoàn quân...  - Nhân vật chính: Hoài Văn Hầu  - Tính cách nổi bật:   | ***Tính cách nhân vật* Hoài Văn Hầu** | | | | | | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Can đảm | dũng cảm | hiên ngang | quyết đoán | yêu nước | sẵn sàng chiến đấu |   => Sự xuất hiện của các nhân vật có tác dụng thể hiện tính tình và lòng yêu nước, nhân cách của Hoài Văn Hầu.Ta có thể thấy được nhiều mặt tính cách của nhân vật xem xét nómột cách toàn vẹn.  **4. Chủ đề**  - Tác dụng xây dựng hình tượng nhân vật điển hình đó ca ngợi người tướng trẻ cùng đoàn quân anh dũng tràn đầy nhựa sống cùng với con ngựa, lá cờ luôn kề bên mỗi lần phất cao ngọn cờ, tiếng ngựa hí là một lần đoàn quân trẻ dành được thắng lợi.  **5. Nhận xét nghệ thuật viết truyện lịch sử**  - Ngôi kể sử dụng ngôi kể thứ 3 để kể câu chuyện chân thật, mang đến nhiều góc nhìn toàn diện về nhân vật.  - Cách quan sát và miêu tả: tinh tế, kĩ lưỡng tái hiện nhân vật toàn cảnh trận đấu và nhân vật diễn ra trong trận chiến.  - Tái hiện bối cảnh lịch chân thật cùng ngôn từ sắc lạnh, quả quyết, ngắn ngọn, súc tích. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: *Viết sơ đồ tư duy về nội dung của văn bản.*

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS*: Theo em, hình tượng nhân vật Hoài Văn Hầu mà nhà văn Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trong văn bản trên có những điểm trong đồng và khác biệt nào so với hình tượng Hoài Văn trong Đại Nam quốc sử diễn ca?*

- HS nhận nhiệm vụ

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Đại nam quốc sử diễn ca**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Những hiểu biết sơ lược về tác giả Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái và tác phẩm Đại Nam quốc sử diễn ca.

- Nội dung bao quát của văn bản, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của văn bản.

- Liên hệ kết nối với văn bản Hoàng Lê nhất thống chí; Viên tướng trẻ và con ngựa trắng để hiểu hơn về chủ điểm Âm vang của lịch sử.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Rèn luyện và phát huy phẩm chất yêu nước, trân trọng lịch sử và tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi Kiến về tổ.

Thể lệ: Mỗi học sinh xung phong tham gia bằng cách giơ tay. Nếu học sinh trả lời sai, học sinh khác có thể giúp bạn trả lời lại. Học sinh trả lời đúng, khen thưởng bằng sự vỗ tay của các bạn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh xung phong chọn thứ tự con kiến cần giúp về tổ. Giáo viên mở yêu cầu câu hỏi. Học sinh trả lời đúng thì kiến được về tổ, nếu sai thì học sinh khác tiếp sức.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi 1, 2…

Bước 4: Kết luận, nhận định :

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

Kết nối vào bài: Các em thân mến, trò chơi Kiến về tổ đã khiến chúng ta bồi hồi nhớ về các nhân vật, sự kiện lịch sử thật hào hùng của dân tộc Việt Nam ta. Cùng với văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí*, *Viên tướng trẻ và con ngựa trắng* bài học hôm nay là một đoạn thơ kết nối với chủ điểm Âm vang của lịch sử sẽ giúp các em trân trọng và tự hào hơn về lịch sử của đất nước với hơn bốn nghìn năm văn hiến. Mời các em đến với đoạn trích từ văn bản đọc kết nối chủ điểm: *Đại Nam quốc sử diễn ca* của tác giả Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như dự đoán, suy luận trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao yêu cầu cho học sinh:  *+ Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm (Năm sinh, năm mất, quê quán của tác giả)*  *+ Tìm hiểu những thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, yếu tố biểu đạt…)*  *+ Trình bày đặc điểm hình thức của thơ lục bát.*  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi; ghi kết quả vào Phiếu học tập số 1.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * GV mời hai nhóm trả lời câu hỏi. * GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, chốt ý. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  - Tác giả ban đầu:  + Lê Ngô Cát, quê quán: Hà Nội. Đậu cử nhân năm Mậu Thân 1848 bổ làm việc trong Quốc sử Quán.  + Ông đậu cử nhân năm Mậu Thân 1848 bổ làm việc trong Quốc sử Quán. Ông còn có thời gian làm quan án sát tỉnh Cao Bằng.  - Tác giả chỉnh sửa:  + Phạm Đình Toái, quê quán: Nghệ An.  + Ông đậu cử nhân năm 1843, làm án sát tỉnh Bình Định, sau thăng đến Hồng lô Tự khanh, là chức Trưởng quan của Hồng Lô tự của Nhà Nguyễn, chuyên lo việc nghi lễ trong các khoa thi cử như xướng danh, yết bảng.  **2. Tác phẩm**:  - Xuất xứ: Trích từ “Đại Nam quốc sử diễn ca”  - Tác phẩm này được thực hiện theo lệnh của vua Tự Đức.  - Tác phẩm được viết bằng chữ Nôm. Bản chữ Quốc ngữ đầu tiên cũng xuất hiện năm 1870 do Trương Vĩnh Ký diễn âm.  - Tác phẩm viết theo thể lục bát, chép lịch sử dân Việt từ Kinh Dương Vương và họ Hồng Bàng đến hết nhà Lê.  - Yếu tố biểu đạt chính: Tự sự.  - Nội dung: kể 2 sự kiện lịch sử Chuyện Phù Đổng Thiên Vương và Hai Bà Trưng dựng nền độc lập.  **3. Đặc điểm hình thức của thể thơ lục bát**  **-** Thể thơ lục bát với 1 dòng thơ 6 chữ và 1 dòng 8 chữ. Cách gieo vần và luật bằng trắc giúp người đọc dễ đọc, dễ thuộc và dễ nhớ. Việc thể hiện bằng thơ khiến nội dung sự việc có ý nghĩa hàm súc hơn, người đọc cần tham khảo thêm các thể loại khác như truyện lịch sử, truyền thuyết, …để nắm rõ sự việc.  - Đoạn trích đã làm nổi bật chí khí anh hùng và tinh thần yêu nước bất diệt của nhân dân ta qua hai sự kiện lịch sử tiêu biểu: Thánh Gióng đánh đuổi giặc Ân xâm lược ở thời Hùng Vương thứ sáu và Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh tan quân Hán do tên thái thú Tô Định cầm đầu. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Những hiểu biết sơ lược về tác giả Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái và tác phẩm Đại Nam quốc sử diễn ca.

- Nội dung bao quát của văn bản, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của văn bản.

- Liên hệ kết nối với văn bản Hoàng Lê nhất thống chí; Viên tướng trẻ và con ngựa trắng để hiểu hơn về chủ điểm Âm vang của lịch sử.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Tìm hiểu về nhân vật Thánh Gióng.*  *+ Trình bày điểm giống và khác nhau về hình tượng nhân vật Thánh Gióng ở truyền thuyết đã học lớp 6 và được thể hiện qua bài diễn ca.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:  *+ Tìm hiểu về nhân vật Hai Bà Trưng bằng kĩ thuật khăn trãi bàn kết hợp trình bày 1 phút trong nhóm.*  *Nội dung: Tìm chi tiết (câu thơ) thể hiện phẩm chất anh hùng của Hai Bà Trưng qua bài diễn ca. Nêu ý nghĩa của chi tiết ấy.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hình tượng người anh hùng Thánh Gióng**  **-** Từ truyện kể trong truyền thuyết đến nội dung đoạn diễn ca đều tập trung làm nổi bật thời điểm, địa điểm và công trạng của người anh hùng làng Gióng. Người anh hùng có công đánh đuổi giặc Ân xâm lược ra khỏi bờ cõi vào đời vua Hùng thứ sáu.   | **Nội dung** | **Truyền thuyết** | **Diễn ca** | | --- | --- | --- | | Không gian, thời gian | Thời gian: vua Hùng thứ sáu.  Không gian: làng Gióng | Thời gian: vua Hùng thứ sáu.  Không gian: làng Phù Đổng | | Thánh Gióng ra đời và lớn lên | Kể chi tiết: lí do và quá trình bà mẹ mang thai, sinh con… | Kể ra đời và lớn lên: không nói, không cười. | | Thánh Gióng ra trận đánh giặc và chiến thắng | Sự giúp đỡ nhân dân nuôi Gióng lớn lên.  Gióng nhổ tre đánh giặc... | Vũ khí: áo giáp, gậy sắt và việc nhổ tre đánh giặc chưa kể chi tiết | | Thánh Gióng về trời | Gióng cởi giáp sắt để lại và về trời | Gióng cởi áo nhung (có thể hiểu giáp sắt) để lại và về trời | | Dấu xưa còn lại | Tre đằng ngà, ao hồ làng Phù Đổng, vua phong Phù Đổng Thiên Vương, lập miếu thờ… | Có ghi nhận miếu đình, cố viên. | | Điểm tương đồng | Từ truyện kể trong truyền thuyết đến nội dung đoạn diễn ca đều tập trung làm nổi bật thời điểm, địa điểm và công trạng của người anh hùng làng Gióng. | | | Điểm khác biệt | Do đặc điểm ngắn gọn, hàm súc và hợp vần của thơ ca nên vài sự việc có điểm khác biệt. | |   **2. Hình ảnh Hai Bà Trưng**  - Hai bà giữ vững lời thề, Trưng Trắc thay chồng cầm quân đánh đuổi giặc ngoại xâm.  - Dù phận gái, nhưng hai bà đã lập nên kì tích với chiến công oanh liệt: đánh tan đội quân xâm lược do Tô Định cầm đầu, mang lại sự yên ổn toàn vẹn cho đất nước. |
| **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:  *+ GV cho học sinh tìm hiểu nội dung, ý nghĩa của văn bản*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  **-** Thể thơ lục bát giúp người đọc dễ đọc, dễ thuộc và dễ nhớ.  **2. Nội dung**  - Đoạn trích đã làm nổi bật chí khí anh hùng và tinh thần yêu nước bất diệt của nhân dân ta qua hai sự kiện lịch sử tiêu biểu: Thánh Gióng đánh đuổi giặc Ân xâm lược ở thời Hùng Vương thứ sáu và Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh tan quân Hán do tên thái thú Tô Định cầm đầu. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

Câu 1: Chuyện Phù Đổng Thiên Vương là kể về nhân vật lịch sử nào dưới đây trong truyện truyền thuyết mà em đã học?

**A. Truyền thuyết Thánh Gióng.**  B. Truyền thuyết Hùng Vương thứ sáu.

C. Truyền thuyết về làng Phù Đổng D. Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh.

Câu 2: Chiến công của Phù Đổng Thiên Vương là gì?

A. Nghe vua cầu tướng ra quân thì thưa với mẹ được đi đánh giặc.

B. Tạo ra được gươm vàng, ngựa sắt để đi đánh giặc.

**C. Đánh tan giặc xâm lược vào thời vua Hùng thứ sáu.**

D. Để lại áo nhung và bay về trời.

Câu 3: Quê quán của Hai Bà Trưng ở đâu?

**A. Châu Phong** B. Long Biên C. Mê Linh D. Lĩnh Nam

Câu 4: Kết quả cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng là gì?

A. *Đuổi ngay Tô Định dẹp yên biên thành*.

B. *Đô kì đóng cõi Mê Linh*

C. *Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta*.

**D. Cả 3 ý thơ trên.**

- HS nhận nhiệm vụ

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: *Tìm hiểu thêm về các nhân vật lịch sử hay sự kiện lịch sử trong tác phẩm Đại Nam quốc sử diễn ca. Viết đoạn văn nêu lên cảm nghĩ của em về một trong những nhân vật lịch sử ấy.*

- HS nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét câu trả lời, nhắc nhở HS làm bài cẩn thận, nộp bài đúng thời gian.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Thực hành tiếng Việt trang 87**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng đinh và câu phủ định.

- Viết được đoạn văn hoặc bài văn có sử dụng câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng đinh và câu phủ định.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách cách sử dụng các kiểu câu trong Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức trò chơi “***Ai nhanh hơn***” thời gian 5 phút, GV đặt câu hỏi.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm với nội dung xoay quanh các ví dụ về các kiểu câu. HS bằng sự hiểu biết của mình sẽ nhận biết hoặc đoán các đáp án đúng.

**Câu 1: Chức năng chính của câu trần thuật là gì?**

A. Để hỏi

B. Yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo

**C. Kể, thông báo, nhận định, miêu tả**

D. Bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

**Câu 2: Câu trần thuật sau dùng để làm gì?**

“Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương”

**A. Kể**

B. Miêu tả

C. Thông báo

D. Nhận định

**Câu 3: Dấu hiệu nhân biết câu nghi vấn:**

A. Có từ "hay" để nối các vế có quan hệ lựa chọn.

B. Có các từ nghi vấn.

C. Khi viết ở cuối câu có dấu chấm hỏi.

**D. Một trong các dấu hiệu trên đều đúng.**

**Câu 4: Câu nào là câu nghi vấn?**

A. Giấy đỏ buồn không thắm / Mực đọng trong nghiên sầu.

**B. Con có nhận ra con không?**

C. Không ai dám lên tiếng khi đối diện với hắn.

D. Nó bị điểm không vì quay cóp trong giờ kiểm tra.

**Câu 5: Dòng nào dưới đây nói đúng nhất dấu hiệu nhận biết câu cảm thán?**

A. Sử dụng từ ngữ nghi vấn và dấu chấm hỏi ở cuối câu.

B. Sử dụng ngữ điệu cầu khiến và dấu chấm than ở cuối câu.

**C. Sử dụng từ ngữ cảm thán và dấu hiệu chấm than ở cuối câu.**

D. Không có dấu hiệu hình thức đặc trưng.

**Câu 6:** **Trong các câu sau câu nào là câu cảm thán:**

**A. Thương thay cũng một kiếp người!**

B. Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

C. Tiến lên chiến sĩ, đồng bào!

D. Một người đã khóc vì chót lừa một con chó.

**Câu 7: Đâu là chức năng tiêu biểu của câu cầu khiến là gì?**

A. Dùng để bộ lộ cảm xúc.

**B. Dùng để yêu cầu, đề nghị, ra lệnh**

C. Dùng để hỏi.

D. Dùng để kể.

**Câu 8: Trong những câu sau, câu nào là câu cầu khiến:**

A. Trời ơi! Sao nóng lâu thế?

B. Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

**C. Bỏ rác đúng nơi quy định.**

D. Chao ôi! Một ngày vắng mẹ sao dài đằng đẵng.

**Câu 9: Dòng nào nói đúng nhất dấu hiệu nhận biết của câu phủ định?**

A. Là câu có những từ ngữ cảm thán như: biết bao, ôi, thay…

B. Là câu có sử dụng dấu chấm than khi viết.

**C. Là câu có những từ ngữ phủ định như: không, chẳng, chưa…**

D. Là câu có ngữ điệu phủ định.

- HS trả lời bằng cách chọn đáp án đúng.

- GV dẫn dắt chuyển sang bài mới.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Đọc các câu hỏi và thực hiên yêu cầu.

- HS chọn đáp án đúng.

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày.

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Dẫn dắt vào kiến thức về các kiểu câu sẽ học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng đinh và câu phủ định.

- Viết được đoạn văn hoặc bài văn có sử dụng câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng đinh và câu phủ định.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Trình bày đặc điểm và chức năng của Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.*  *+ Trình bày đặc điểm và chức năng của câu khẳng định, câu phủ định*  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | **1. Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến**   | **Kiểu câu** | **Chức năng** | **Đặc điểm** | | --- | --- | --- | | Câu kể  (Câu trần thuật) | Kể, miêu tả, thông báo, nhận định… | Thường kết thúc bằng dấu chấm (.) | | Câu hỏi  (Câu nghi vấn) | Hỏi. | - Sử dụng các từ nghi vấn (ai, gì, nào, tại sao, vì sao, bao giờ…)  - Kết thúc bằng dấu chấm hỏi (?) | | Câu cảm | Biểu lộ cảm xúc của người nói (hoặc người viết) | - Sử dụng các từ ngữ cảm thán: ôi, chao, chao ôi, chà, trời… hoặc các từ chỉ mức độ của cảm xúc như: quá, lắm, thật…  - Thường kết thúc bằng dấu chấm than (!). | | Câu khiến) | Yêu cầu, đề nghị, ra lệnh…) | - Sử dụng những từ ngữ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ, đi, nào…  - Thường kết thúc bằng dấu chấm than (!). |   **2. Câu khẳng định, câu phủ định**   | **Kiểu câu** | **Chức năng** | **Đặc điểm** | | --- | --- | --- | | Câu  khẳng định | Khẳng định các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc… trong câu. | - Thường không có phương tiện diễn đặt riêng.  - Có thể bắt gặp trong câu khẳng định những cấu trúc: không phải không, không thể không, không ai không… | | Câu  phủ định | Phủ nhận các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc… trong câu. | - Thường sử dụng các từ ngữ phủ định như: không, chẳng, không phải, chẳng phải, chả…  - Có thể bắt gặp trong câu phủ định những cấu trúc: làm gì…, mà…  Ví dụ: Nó làm gì biết. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  **Câu 1 (trang 53 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Tìm trong văn bản *Viên tướng trẻ và con ngựa trắng* ba câu hỏi, ba câu kể và hoàn thành bảng sau (làm vào vở):   | **Câu văn** | **Kiểu câu** | **Dấu hiệu nhận biết** | | --- | --- | --- | | 1. | Câu hỏi | … | | … | … | … | | … | … | … |   **Câu 2 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  - Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các ngươi nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!  (Ngô gia văn phải, Hoàng Lê nhất thống chí)  a. Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai?  b. Câu: “Các ngươi nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!” là câu cảm hay câu khiến? Việc dùng kiểu câu đó để kết thúc lời thoại có tác dụng gì?  **Câu 3 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Cho câu sau: Nam đang đọc truyện lịch sử.  a. Dựa vào câu trên, thêm/ bớt từ ngữ để tạo thành câu hỏi, câu cảm, câu khiến.  b. Trao đổi kết quả câu a với bạn ngồi cùng bàn. Chỉ ra dấu hiệu nhận biết các kiểu câu này trong bài làm của bạn mình.  **Câu 4 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Cho đoạn văn sau:  *Khi quân ra đến sông Gián, nghĩa binh trấn thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông Thanh Quyết, toán quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nốt. Vua Quang Trung liền thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, không để tên nào trốn thoát. Bởi vậy, không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân Thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi đều không biết gì cả.*   (Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí)  a. Xác định câu khẳng định, câu phủ định được dùng trong đoạn văn trên và hoàn thành bảng sau (làm vào vở):   | **Kiểu câu** | **Câu văn** | **Dấu hiệu nhận biết** | | --- | --- | --- | | 1. Câu khẳng định | … | … | | 2. Câu phủ định | … | … |   b. Nêu tác dụng của câu khẳng định và câu phủ định trong đoạn văn trên.  **Câu 5 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Dùng cụm danh từ “Vua Quang Trung” hoặc “quân Thanh” để đặt câu dưới hai hình thức: câu khẳng định và câu phủ định.  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | **II. Luyện tập**  **Câu 1 (trang 53 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   | **Câu văn** | **Kiểu câu** | **Dấu hiệu nhận biết** | | --- | --- | --- | | 1. -… Chúng bay còn chạy đi đâu? | Câu hỏi | Từ nghi vấn (đâu), kết thúc bằng dấu chấm hỏi, nội dung hỏi. | | 2. – Bại tướng, đến nước này, chúng bay còn muốn chống lại uy trời đó sao? | Câu hỏi | Từ nghi vấn (sao), kết thúc bằng dấu chấm hỏi, nội dung hỏi. | | 3.- Người tướng có lá cờ sáu chữ là đây chăng? | Câu hỏi | Từ nghi vấn (chăng), kết thúc bằng dấu chấm hỏi, nội dung hỏi. | | 4. Hoài Văn Hầu mặc áo bào đỏ, vai mang cung tên, lưng leo thanh gươm gia truyền, mình ngồi trên một con ngựa trắng phau. | Câu kể | Kết thúc bằng dấu chấm hỏi, nội dung kể. | | 5. Lá cờ thêu sáu chữ vàng mỗi lúc một căng lên vì ngược gió. | Câu kể | Kết thúc bằng dấu chấm hỏi, nội dung kể. | | 6. Vương ngước nhìn lên lá cờ sáu chữ, lẩm nhẩm luôn miệng. | Câu kể | Kết thúc bằng dấu chấm hỏi, nội dung kể. |   **Câu 2 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  a. Đoạn văn là lời của Vua Quang Trung nói với tướng sĩ.  b. Câu “Các người nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!” là câu khiến, (từ ngữ cầu khiến. nhớ lấy, dùng...).  Việc dùng kiểu câu khiến để kết thúc lời thoại của Vua Quang Trung – vị chỉ huy tối cao của cuộc kháng chiến có nhiều tác dụng thể hiện niềm tin của nhà vua; làm lan tỏa niềm tin, khích lệ sự phấn chấn, tinh thần quyết chiến quyết thắng của tướng sĩ,...  **Câu 3 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   | **Câu văn** | **Kiểu câu** | **Dấu hiệu nhận biết** | | --- | --- | --- | | Nam đang đọc truyện lịch sử đấy à? | Câu hỏi | Từ ngữ dùng trong câu hỏi (à), kết thúc bằng dấu chấm hỏi, nội dung hỏi. | | Chà, Nam chăm đọc truyện lịch sử quá! | Câu cảm | Từ ngữ thường dùng trong câu cảm (chà, quá), kết thúc bằng dấu chấm than, nội dung biểu cảm. | | Nam đọc truyện lịch sử đi! | Câu khiến | Từ ngữ thường dùng trong câu khiến (đi)   kết thúc bằng dấu chấm than, nội dung cầu khiến |   **Câu 4 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  a.   | **Kiểu câu** | **Câu văn** | **Dấu hiệu nhận biết** | | --- | --- | --- | | 1. Câu khẳng định | Khi quân ra đến sông Gián, nghĩa binh trấn thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông động, trạng thái, tỉnh Thanh Quyết, toán quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nốt. | - Khẳng định các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng, sự  việc ... trong câu.  - Không có sự xuất hiện của các từ ngữ phủ định. | | 2. Câu phủ định | Vua Quang Trung liền thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, **không** để tên nào trốn thoát.  Bởi vậy, **không hề** có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân Thanh đóng Hà Hồi và Ngọc Hồi đều **không biết** gì cả. | - Phủ nhận các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc… trong câu.  - Sử dụng các từ ngữ phủ định như: không, không hề, không biết. |   b. Sự kết hợp đan xen các câu khẳng định và phủ định trong đoạn văn tưởng thuật diễn biến trận đánh có tác dụng làm cho việc miêu tả, tái hiện các sự kiện lịch sử được rõ ràng, chính xác.  **Câu 5 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Câu khẳng định: Vua Quang Trung biết rõ rằng quân ta nhất định thắng.  - Câu phủ định: Bị quân ta tấn công bất ngờ từ nhiều phía, quân Thanh không còn cách nào khác là phải bỏ chạy tháo thân. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 5.

GV khuyến khích HS đặt câu nhanh và lưu ý một số từ ngữ/ cấu trúc thường dùng trong câu khẳng định và câu phủ định.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- HS trả lời suy nghĩ và trả lời nhanh.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS nói to suy nghĩ của mình.

- HS bổ sung, nhận xét.

Sản phẩm dự kiến: Câu khắng định: Vua Quang Trung biết chắc chắn quân ta sẽ thắng.

Câu phủ định: Quân Thanh không chống cự được trước đòn tấn công của quân ta.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chốt kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Bến nhà rồng năm ấy**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Những hiểu biết sơ lược về tác giả Sơn Tùng và tiểu thuyết lịch sử Búp sen xanh.

- Nội dung bao quát của văn bản, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, bối cảnh, nhân vật trong tính chỉnh thể của văn bản.

- Liên hệ kết nối với văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí; Viên tướng trẻ và con ngựa trắng* để nắm rõ đặc điểm thể loại truyện lịch sử.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Rèn luyện và phát huy phẩm chất yêu nước, trân trọng lịch sử và tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc qua hình ảnh Bác Hồ.

- Học tập và làm theo tấm gương của Bác. Hình thành phẩm chất trách nhiệm với tập thể, với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi Những bông hoa hỏi em điều gì?.

Thể lệ: Mỗi học sinh xung phong tham gia bằng cách giơ tay. Nếu học sinh trả lời sai, học sinh khác có thể giúp bạn trả lời lại. Học sinh trả lời đúng, khen thưởng bằng sự vỗ tay của các bạn.

Lưu ý: *Giáo viên nên thực hiện theo thứ tự từng bông hoa để kiến thức liên tục thời thời gian.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh xung phong chọn thứ tự của từng bông hoa. Giáo viên mở yêu cầu câu hỏi. Học sinh trả lời đúng thì khen ngợi học sinh, nếu sai thì khuyến khích và cho học sinh khác tiếp sức.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi 1, 2…

Bước 4: Kết luận, nhận định :

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

Kết nối vào bài: Các em thân mến, trò chơi Những bông hoa hỏi em điều gì đã cung cấp cho chúng ta những hiểu biết sơ lược về khoảng thời gian Bác Hồ chuẩn bị ra nước ngoài tìm đường cứu nước từ bến cảng Nhà Rồng lịch sử. Bên cạnh những hiểu biết chính xác từ kiến thức ghi chép về tiểu sử, niên biểu của lãnh tụ Hồ Chí Minh, câu chuyện *Bến Nhà Rồng năm ấy* của tác giả Sơn Tùng sẽ cho chúng ta một cái nhìn mới mẻ hơn về chuyến đi lịch sử năm ấy qua thể loại truyện. Với văn bản này, chúng ta sẽ kết nối với 2 văn bản chính của chủ điểm Âm vang của lịch sử để hiểu rõ hơn về đặc điểm của thể loại truyện lịch sử. Nào, bây giờ chúng ta hãy bắt đầu bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như dự đoán, suy luận trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao yêu cầu cho học sinh:  *+ Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm (Năm sinh, năm mất, quê quán của tác giả. Thành tựu trong cuộc đời.)*  *+ Tìm hiểu những thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, năm sáng tác, thể thơ, yếu tố biểu đạt, chủ đề, nội dung….)*  *+ Trình bày đặc điểm của thể loại truyện lịch sử*  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi; ghi kết quả vào Phiếu học tập số 1.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * GV mời hai nhóm trả lời câu hỏi. * GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, chốt ý. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  + Sơn Tùng, tên đầy đủ là Bùi Sơn Tùng  + Ông sinh năm 1928 tại Nghệ An, mất lúc 23h05 ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại Hà Nội)  + Ông là nhà văn Việt Nam với nhiều tác phẩm về lãnh tụ Hồ Chí Minh và các danh nhân cách mạng, danh nhân văn hóa Việt Nam, trong đó nổi tiếng nhất là tiểu thuyết lịch sử *Búp sen xanh* viết về cuộc đời Hồ Chí Minh.  **2. Tác phẩm**:  *+ Búp sen xanh* là tiểu thuyết đầu tiên viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh và cũng là tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng nhất của nhà văn Sơn Tùng. Xây dựng nên hình tượng Hồ Chí Minh từ khi cất tiếng khóc chào đời tại Làng Chùa quê ngoại tới khi rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước, tác phẩm được tác giả dày công sưu tầm tư liệu có liên quan và chấp bút trong thời gian dài, bắt đầu từ năm 1948 và hoàn thành năm 1980.  **3.** **Đặc điểm thể loại: truyện lịch sử**  - Khái niệm: truyện lịch sử là loại truyện lấy đề tài lịch sử làm nội dung chính.  - Bối cảnh: tái hiện lại khoảng *thời gian* năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. *Không gian* cũng gắn với thời gian cụ thể ấy.  - Cốt truyện: gồm đơn tuyến và đa tuyến.  - Nhân vật: tái hiện cuộc đời một cách chân thực nhưng có thể tưởng tượng thêm về ngoại hình, hành vi, tâm lí, lời nói…  - Ngôn ngữ: mang đậm sắc thái lịch sử qua cách kể chuyện, miêu tả, cách nghĩ, cách nói năng của nhân vật. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Những hiểu biết sơ lược về tác giả Sơn Tùng và tiểu thuyết lịch sử Búp sen xanh.

- Nội dung bao quát của văn bản, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, bối cảnh, nhân vật trong tính chỉnh thể của văn bản.

- Liên hệ kết nối với văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí; Viên tướng trẻ và con ngựa trắng* để nắm rõ đặc điểm thể loại truyện lịch sử.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Tìm hiểu về bối cảnh câu chuyện và đối chiếu với tiểu sử, niên biểu của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Nêu lên mục đích chuyến đi của anh Ba.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:  *+ Tìm hiểu về nhân vật anh Ba bằng việc ghi nhận vào bảng phụ của nhóm* - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Bối cảnh câu chuyện**  **-** Anh Ba chuẩn bị ra nước ngoài tìm đường cứu nước từ Bến càng Nhà Rồng năm 1911.   | **Nội dung** | **Trong câu chuyện** | **Tiểu sử của Bác Hồ** | | --- | --- | --- | | Không gian, thời gian (Bối cảnh) | Sự việc: anh Ba chuẩn bị ra nước ngoài tìm đường cứu nước.  Không gian; bến cảng Nhà Rồng.  Thời gian: hè năm 1911. | Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi trên con tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin, bắt đầu hành trình cứu nước. Trong sổ lương của tàu tên anh là Văn Ba. | | Mục đích chuyến đi | -Tôi muốn sang Pháp để được nhìn tận mắt người dân Pháp họ sống thế nào, đằng sau những cái chữ tự do, bình đẳng, bác ái…  -Sau khi xem xét họ làm ăn thế nào, chúng mình trở về giúp đồng bào đuổi hết thực dân Pháp ra khỏi đất nước, giành độc lập, tự do… | Trang 14, sách Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp, ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, NXB Sự thật in: “Vào trạc 13 tuổi, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái. Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy”. |   **2. Nhân vật anh Ba**  - Khi trò chuyện với anh Tư Lê: anh Ba là người yêu nước, mong muốn giành lại độc lập cho Tổ quốc và tự do cho nhân dân bằng chính sức lực và trí lực của mình, không ngại khó khăn gian khổ, có trách nhiệm: dám nghĩ dám làm.  - Khi tiếp xúc với thuyền trưởng Lu-i Mai-sen: anh Ba khiến người khác trọng nể với sự thông minh, có hiểu biết. Anh không nề hà, gian khổ dù phải làm công việc phụ bếp vất vả. Quyết tâm, kiên định thực hiện lí tưởng của bản thân, một lòng vì đất nước. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Nêu suy nghĩ của em về một trong ba nhân vật : Quang Trung (*Quang Trung đại phá quân Thanh*), Hoài Văn (*Viên tướng trẻ và con ngựa trắng*), anh Ba (*Bến Nhà Rồng năm ấy*).

- HS nhận nhiệm vụ

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: Tìm hiểu thêm về tiểu sử, niên biểu cũng như sự nghiệp cách mạng của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

- HS nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét câu trả lời, nhắc nhở HS làm bài cẩn thận, nộp bài đúng thời gian.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Viết bài văn kể lại một chuyến đi**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận diện và viết được bài văn kể lại một chuyến đi đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm.

- Xác định được các yêu cầu đối với bài văn kể lại một chuyến đi.

- HS viết được bài văn kể lại một chuyến đi.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS xem clip và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*:*Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học bài *Viết bài văn kể lại một chuyến đi.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Nhấn mạnh tác dụng của việc luyện tập kiểu bài

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Trình bày khái niệm bài văn kể lại một chuyến đi.*  + *Xác định yêu cầu đối với kiểu văn bản kể lại một chuyến đi.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **\* Khái niệm**  - Bài văn kể lại một chuyến đi thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong đó, người viết kể lại các sự việc của chuyến đi mà mình đã tham gia (một chuyến đi), có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này để tăng sự sinh động cho bài viết.  **\* Yêu cầu đối với kiểu văn bản**  • Kể lại một chuyến đi theo ngôi thứ nhất.  • Nêu được các thông tin cơ bản về chuyển đi; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra chuyến đi.  • Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí.  • Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.  • Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + Mở bài giới thiệu chuyến đi đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc.  + Thân bài: nêu những thông tin cơ bản về chuyến đi; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian của chuyến đi; kể lại các sự kiện theo trình tự thời gian; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.  + Kết bài: khẳng định giá trị của chuyến đi; nêu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc mà chuyến đi gợi ra cho bản thân. |
| **\* NV 2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **Phân tích văn bản: Về Ba Tri thăm Di tích lịch sử Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu**  **Câu 1 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Đoạn mở bài, kết bài trong văn bản trên đã đáp ứng yêu cầu của kiểu bài kể lại một chuyến đi như thế nào?  **Câu 2 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Liệt kê các sự việc được kể, xác định sự việc chính và trình tự kể về các sự việc trong phần thân bài.  **Câu 3 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Tìm một số câu văn, từ ngữ trong văn bản cho thấy người viết đã kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm. Việc kết hợp các yếu lỗi đó có tác dụng gì?  **Câu 4 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Theo người viết, ý nghĩa sâu sắc của chuyến đi là gì? Ý nghĩa đó được thể hiện trong bài viết bằng cách nào" Việc sử dụng ngôi thứ nhất để kể lại chuyến đi có tác dụng gì trong việc thể hiện ý nghĩa đó?  **Câu 5 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Từ bài viết trên, em rút ra được lưu ý gì khi viết bài văn kể lại một chuyến đi?  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **\* Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:**  **Văn bản: Về Ba Tri thăm Di tích lịch sử Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu**  **Câu 1 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **-** Bài văn kể lại chuyến về thăm Di tích lịch sử Mộ và Khu tưởng niệm cụ Nguyễn Đình Chiểu ở Ba Tri:  + Mở bài: giới thiệu và cảm nhận chung của người viết về chuyến đi.  + Kết bài: nêu cảm nhận sâu sắc và ý nghĩa của chuyến đi.  = > Như vậy đoạn mở bài, kết bài trong văn bản đã đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài kể lại một chuyến đi.  **Câu 2 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Các sự việc được kể:  - Các hoạt động trên xe di chuyển về điểm tham quan.  - Tham quan khu đền thờ cũ.  - Tham quan khu đền thờ mới; ngắm tượng cụ Đồ Chiểu; nghe giới thiệu, thuyết minh về cuộc đời cụ.  - Tham quan một số điểm khác ở khu lăng mộ, khu tưởng niệm rồi lên xe trở về. Các sự việc trên được kể theo trình tự thời gian cũng là theo diễn biến của chuyến đi.  **Câu 3 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Một số câu văn, từ ngữ trong văn bản cho thấy người viết đã kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm là:  – Kết hợp kể với miêu tả (các cụm từ in đậm), ví dụ:  Ba chiếc xe du lịch chở hơn một trăm học sinh của trường từ từ lăn bánh, rồi tăng tốc, bon bon chạy về Di tích lịch sử Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.  Đó là một khu nhà kiên cố dựng theo hình tròn thoáng đãng, mái ngói màu xanh, nền lát gạch bóng, rất khang trang, trên các cửa ra vào và trần nhà trang trí hình hoa sen, cuốn thư, ngòi bút, hoa lá, hay trống đồng...  – Kết hợp kể, miêu tả với biểu cảm (các cụm từ in đậm), ví dụ:  Giọng cô thật truyền cảm, vừa trong trẻo vừa ấm áp, nhất là khi cô đọc thơ cụ...  Trên đường về, tôi cứ nghĩ miên man với câu hỏi: Trong hoàn cảnh khó khăn như cụ Đồ, liệu có mấy người vẫn có thể sống có ích, vẫn đấu tranh và làm việc nghĩa được như cụ...? Càng nghĩ, tôi càng khâm phục tấm lòng yêu nước, thương dân, cốt cách bình đi, gần gũi, nghị lực phi thường và những gì mà cụ Đồ Chiểu đã làm được cho đời.  = > Tác dụng của việc kết hợp các yếu tố trên là phát huy ưu thế của nhiều loại yếu tố, làm cho chuyến đi trở nên sinh động, lời văn vừa sáng rõ (qua việc kể diễn biến sự việc), vừa gợi tả (qua miêu tả) và truyền cảm (qua biểu cảm).  **Câu 4 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Ý nghĩa sâu sắc của chuyến đi được nói rõ ở đoạn kết. Ngôi thứ nhất giúp người viết thể hiện trực tiếp những quan sát, cảm xúc cũng như những trải nghiệm thực tế của bản thân; gây được niềm tin về tính xác thực và việc giao tiếp với người đọc cũng thuận lợi hơn...  **Câu 5 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Em rút ra được lưu ý khi viết bài văn kể lại một chuyến đi là:  + Cần phải sắp xếp sự việc theo trình tự thời gian.  + Thuật lại được diễn biến của chuyển đi cũng như các sự việc quan trọng.  + Tạo được điểm nhấn để tránh dàn trải, dài dòng.  + Kết hợp tự nhiên các yếu tố miêu tả, biểu cảm.... |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được đề tài sẽ viết.

- HS xác định được bố cục và những chi tiết trong bài viết

- HS viết được bài văn

- HS đánh giá bài làm của mình

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\*NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc kĩ yêu cầu đề bài, thảo luận cặp đôi và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Trước khi viết chúng ta cần chuẩn bị và chú ý đến điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Hướng dẫn quy trình viết**  **Đề bài (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Viết bài văn kể lại một chuyến đi đã để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc (bài viết cả sử dụng yêu lỗ miêu tả hoặc biểu cảm hoặc kết hợp cả hai yếu tố ấy).  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết***  • Trả lời các câu hỏi sau để xác định yêu cầu của đề bài:  - Chuyển di nào đã để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc?  - Mục đích viết bài này là gì (chia sẻ trải nghiệm của em với bạn bè, thầy cô hay để tham gia một cuộc thi viết)?  - Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết  – Với mục đích và người dọc đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào  • Để thực hiện được yêu cầu của đề bài, em cần:  - Xem lại đặc điểm của kiểu bài.  - Nhớ lại, tập hợp và ghi chép những tư liệu liên quan về chuyển đi mà em đã tham gia.  – Tìm thêm các tư liệu liên quan đến chuyến đi để bảo đảm sự da dạng và độ tin cậy của thông tin. |
| **\*NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + *Trong quá trình tìm ý và lập dàn ý chúng ta cần lưu ý những điểm gì?*  *+ Xây dựng dàn ý cơ bản cho bài viết kể về một chuyến đi.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý***  Em hãy:  - Xác định rõ: hoàn cảnh, lí do, mục đích thực hiện chuyến đi; những người cùng tham dự; phương tiện di chuyển, khung cảnh, không khí chuyến đi; trình tự các hoạt động từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc.  – Xem lại các tư liệu vừa thu thập, đánh dấu và lọc ra các ý cần cho bài viết (ví dụ: các tư liệu liên quan đến địa điểm, thời gian, trình tự diễn biến...).  – Liệt kê các sự kiện cụ thể cần thuật lại, chọn sự kiện chính làm điểm nhấn trong văn bản.  – Liệt kê sự việc, cảnh vật, con người... trọng tâm cho bài viết; lưu ý kết hợp miêu tả hay thể hiện suy nghĩ, tình cảm khi kể.  – Dự kiến một số kiểu câu, từ ngữ quan trọng nhằm tạo điểm nhấn cho bài viết.  – Sắp xếp các ý đã ghi theo trình tự hợp lí vào sơ đồ dàn ý sau:   | Mở bài | - Giới thiệu về chuyến đi.  - Nêu ấn tượng ban đầu về chuyến đi. | | --- | --- | | Thân bài | - Nêu những thông tin cơ bản về chuyến đi.  - Thuật lại chuyến đi (thời gian, địa điểm, sự kiện, cảm xúc...); kết hợp kể với miêu tả.  – Nếu ấn tượng đặc biệt của người viết khi tham gia chuyến đi. | | Kết bài | - Khẳng định lại tình cảm hay suy nghĩ sâu sắc của bản thân qua chuyến đi.  - Nêu giá trị hay bài học từ chuyến đi. | |
| **\* NV3:**  **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ Dựa vào dàn ý đã xây dựng, các em hãy viết bài văn kể về một chuyến đi đã để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc (bài viết cả sử dụng yêu lỗ miêu tả hoặc biểu cảm hoặc kết hợp cả hai yếu tố ấy).*  - HS nhận nhiệm vụ  **B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  - Bám vào yêu cầu của dàn bài để viết hoàn chỉnh bài văn  - Thống nhất về ngôi kể  **B3. Báo cáo sản phẩm:**  GV gọi HS 1-3 em đọc  **HS khác lắng nghe và nhận xét cho bạn**  **B4: Kết luận và nhận định của GV**  - GV kết luận và giao nhiệm vụ  - HS về nhà hoàn thiện bải văn hoàn chỉnh theo những góp ý | ***Bước 3: Viết bài***  - Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết, cần chú ý đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài. |
| **\* NV4:**  **B1: GV giao nhiệm vụ:**  GV chiếu bảng kiểm  - HS trao đổi bài cho nhau  - Dùng bảng kiểm để góp ý  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện theo yêu cầu cuả GV  **B3: Báo cáo sản phẩm:**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài củabạn  - HS nhận xét và đưa ra hướng viết của mình nếu như làm Bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định của GV:**  GV chốt lại những ưu điểm và nhược điểm của bài viết. | ***Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm cho***  Viết xong, dùng bảng kiểm sau để tự chỉnh sửa bài văn.   | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | --- | --- | --- | --- | | **Mở bài** | Giới thiệu các thông tin chính của chuyến đi. |  |  | | Nêu ấn tượng ban đầu về chuyến đi. |  |  | | **Thân bài** | Thuật lại các sự kiện diễn ra trong chuyến đi theo trình tự thời gian (từ khởi đầu đến kết thúc) |  |  | | Dùng ngôi thứ nhất để kể. |  |  | | Sử dụng yếu tố miêu tả và/ hoặc biểu cảm nhằm hỗ trợ cho việc kể chuyện. |  |  | | **Kết bài** | Khẳng định lại tình cảm hay suy nghĩ sâu sắc của bản thân qua chuyến đi. |  |  | | Nêu giá trị hay bài học từ chuyến đi. |  |  | | **Trình bày, diễn đạt** | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |  | | Sử dụng các từ ngữ, câu văn liên kết các phần, các đoạn của bài văn kể chuyện. |  |  |   • Đọc lại bài văn trong vai người đọc và trả lời hai câu hỏi dưới đây:  1. Điều gì của bài văn này làm em thích/ chưa thích?  2. Nên điều chỉnh những gì để bài viết hay hơn? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS: *Viết bài văn kể về một chuyến đi đã để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc (bài viết cả sử dụng yêu lỗ miêu tả hoặc biểu cảm hoặc kết hợp cả hai yếu tố ấy).*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trả lời.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV chốt lại kiến thức | - HS thực hiện |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV đặt câu hỏi:*Viết bài văn kể về một chuyến đi cùng người thân đã để lại cho em nhiều tình cảm sâu sắc (bài viết cả sử dụng yêu lỗ miêu tả hoặc biểu cảm hoặc kết hợp cả hai yếu tố ấy).*

- HS nhận nhiệm vụ.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận**

**và trình bày lại nội dung đó**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

**-** Nhận diện được quy trình các bước nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội, nêu rõ ý kiến và các luận điểm sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

- Biết chia sẻ lại nội dung đã biết, đã được nghe với người khác

- Trung thực với nội dung đã trao đổi, thảo luận trước đó.

- Nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng người khác trong giao tiếp

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

*- GV chiếu tình huống:*

Em được thay mặt lớp tham gia trao đổi, thảo luận về một vấn đề lịch sử, xã hội:

*Ý nghĩa của việc hiểu biết tri thức lịch sử, địa lí địa phương*

Gỉa sử sau khi tham gia xong, em phải trình bày nội dung chính của buổi thảo luận cho cả lớp nghe thì em sẽ thực hiện như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV yêu cầu HS trả lời.

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: Trong học tập và cuộc sống, không hiếm gặp những trường hợp, chúng ta được thay mặt tham gia trao đổi, thảo luận về một vấn đề nào đó. Sau đó, các bạn phải trình bày lại nội dung chính của buổi thảo luận đó cho mọi người/cả lớp cùng nghe.

1. Để nghe và nắm bắt nội dung chính trình bày của người khác, chúng ta cần thực hiện những thao tác nào?

2. Để trình bày lại những nội dung chính mà nhóm mình đã trao đổi, thảo luận cho người khác nghe, theo em, chúng ta cần chú ý điều gì và nên thực hiện như thế nào cho hiệu quả?

Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ có điều kiện để củng cố lại kiến thức về quy trình thực hiện cũng như thực hành nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Nhận diện được quy trình các bước nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  Nhắc lại quy trình (các bước) *nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó* mà em đã được học ở Bài 2 *Những bí ẩn của thế giới tự nhiên* (*Ngữ văn 8*, tập một)  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Chuẩn bị nói và nghe**  ***Bước 1: Chuẩn bị nghe***  ***Bước 2: Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính***  Xem bài Những bí ẩn của thế giới tự nhiên (Ngữ văn 8, tập một).  ***Bước 3: Trình bày nội dung chính đã nghe***  • Vận dụng kĩ năng đã học để trình bày lại những nội dung chính đã nghe và ghi chép. Cần lưu ý:  Xem lại bản ghi chép; các ý kiến chính và lập luận của người nói, các điểm nhấn trong cuộc trao đổi, thảo luận mà em đã dự.  Sắp xếp nội dung ghi chép theo một trật tự mạch lạc, thuận tiện cho việc trình bày  bài nói.  Ví dụ: Có thể tham khảo bảng sau để ghi chép các loại ý kiến đồng tình, phản đối và xu hướng chung của cuộc trao đổi, thảo luận về đề tài: Ý nghĩa của việc hiểu những tri thức về lịch sử, địa lí địa phương đối với mỗi người.   | Ý kiến đồng tình | Ý kiến phản đối | Xu hướng chung của cuộc trao đổi, thảo luận | | --- | --- | --- | | … | … | … |   • Tiếp theo, dùng Bảng kiểm kĩ năng nghe, nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó ở bài Những bí ẩn của thế giới tự nhiên (Ngữ văn 8, tập một) để tự đánh giá kĩ năng.  • Đối chiếu những gì đạt/ chưa đạt mà em đã đánh dấu trong bảng kiểm ở bài Những bí ẩn của thế giới tự nhiên (Ngữ văn 8, tập một) và bảng kiểm ở bài học này để thấy được những tiến bộ và những điều cần hoàn thiện của em. |

**Hoạt động 2: Thực hành nói và nghe**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện được quy trình các bước nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIÊN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - GV chia lớp làm 2 dãy với 2 nội dung được giao. GV giả định một tình huống (đã giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị trước)  *Em được thay mặt lớp tham gia trao đổi, thảo luận về một vấn đề lịch sử, xã hội:*  *1. Ý nghĩa của việc hiểu biết tri thức lịch sử, địa lí địa phương (dãy A)*  *2. Cách ứng xử với những công trình văn hóa, lịch sử… (dãy B)*  *Sau đó, trình bày nội dung chính của buổi thảo luận cho cả lớp nghe*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II.** **Thực hành nói và nghe**  Bước 1: Chuẩn bị nghe  Bước 2: Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính.  Bước 3: Trình bày nội dung chính đã nghe:  Gợi ý dự kiến nội dung trao đổi, thảo luận:  Dãy A: Ý nghĩa của việc hiểu biết tri thức lịch sử, địa lí địa phương  - Giải thích: giá trị lịch sử là cội nguồn của dân tộc, là những yếu tố hình thành nên nền văn hóa, truyền thống do thế hệ trước gây dựng, giữ gìn, lưu truyền và được kế thừa, phát huy.  - Gía trị lịch sử làm nên giá trị riêng của mỗi đất nước, dân tộc.  - Trân trọng giá trị lịch sử là thái độ, hành vi của con người đối với những truyền thống, văn hóa lịch sử của dân tộc: học hỏi, giữ gìn, kế thừa, phát huy…  - Ý nghĩa của việc trân trọng những giá trị lịch sử trong đời sống dân tộc:  + Thể hiện sự biết ơn với công lao của bao thế hệ đi trước đã gây dựng.  + Là sức mạnh nội tại để cá nhân và cộng đồng chung tay, góp phần đẩy lùi sự xói mòn về văn hóa, tư tưởng trong thời điểm giao lưu văn hóa toàn cầu.  + Giúp con người chủ động tìm hiểu, từ đó có nhận thức sâu rộng hơn về cội nguồn, quê hương, đất nước.  + Có ý thức, trách nhiệm về vai trò của bản thân.  + Góp phần bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của dân tộc.  + …  Dãy B: Cách ứng xử với những công trình văn hóa, lịch sử…  - Công trình văn hóa, lịch sử được coi là “ký ức tập thể”, là “chứng tích” của lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng.  - Đầu tiên là từ nhận thức: phải có ý thức về *giá trị di sản* và *bảo tồn di sản*. Tính nhân văn của xã hội loài người được thể hiện ở việc luôn có xu hướng tìm hiểu quá khứ và quý trọng quá khứ.  - Việc ứng xử với di sản văn hóa thể hiện thái độ của thế hệ sau đối với lịch sử và văn hóa.  + Bảo tồn di sản: giữ gìn vệ sinh, bảo vệ nguyên vẹn công trình văn hóa, lịch sử, không làm thất thoát, hư hao...  + Nghiêm túc chấp hành những khuyến cáo của nhà nước về tham quan công trình.  + Trân trọng công trình văn hóa, phát huy, tuyên truyền về vẻ đẹp của công trình văn hóa, lịch sử đến mọi người…  + Phục hồi di sản, tái thiết di sản.  + … |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

**Đề bài (trang 97 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Em được thay mặt lớp tham gia trao đổi, thảo luận về một vấn đề lịch sử, xã hội (ví dụ: ý nghĩa của việc hiểu biết tri thức lịch sử, địa lí địa phương; cách bồi dưỡng tình yêu lịch sử và truyền thống dân tộc; cách ứng xử với những công trình văn hoá, lịch sử...); sau đó, trình bày nội dung chính của buổi thảo luận cho cả lớp nghe.

- HS nhận nhiệm vụ

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV đặt câu hỏi:** *HS vẽ sơ đồ tóm tắt nội dung thuyết trình ở phần luyện tập.*

- HS nhận nhiệm vụ.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Ôn tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

- Hệ thống các kiến thức đã học về một số yếu tố của truyện lịch sử.

- HS nêu được nội dung bao quát của văn bản, nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật.

**2. Về năng lực:**

- Trình bày được phần chuẩn bị cho các nội dung ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**3. Về phẩm chất:**

- Trân trọng, tự hào về lịch sử, con người Việt Nam

- Trách nhiệm: Giữ gìn, phát huy những nét đẹp có tính lịch sử, văn hóa của đân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi: “***Ai nhanh hơn***” cho hai đội; yêu cầu HS nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 9.

***1. Tác giả của văn bản “Hoàng Lê nhất thống chí” là ai?***

1. Ngô gia văn phái C. Ngô Thì Chí
2. Ngô Thì Du D. Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch

***2. Truyện viên tướng trẻ và con ngựa trắng kể về nhân vật lịch sử nào?***

1. Hưng Đạo Đại Vương - Trần Quốc Tuấn
2. Hoài Văn Hầu - Trần Quốc Toản
3. Chiêu Thành Vương, chú ruột của Hoài Văn

***3. Xác định thể loại của văn bản “Bến nhà rồng năm ấy”.***

1. Truyện ngắn C.Truyện viễn tưởng
2. Tiểu thuyết D. Truyện lịch sử

***4.Trong những câu sau,câu nào là câu khiến?***

A. Mèo con đã đi học rồi sao? C. Ôi chao, nắng giòn tan!

B. Thế chúng ta đi cùng nhau vậy. D. Tiếng tù và rúc một hồi dõng dạc.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, chia sẻ ý kiến.

- Đội nào trả lời nhanh và đầy đủ nhất sẽ được điểm thưởng.

- Sau khi HS trả lời xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**

- Củng cố, tổng hợp lại những kiến thức đã học.

- Khắc sâu chủ đề của bài học

**-** Trình bày được một số nội dung chính qua các VB truyện đã học.

- Xác định được biệt ngữ xã hội và chức năng, giá trị của biệt ngữ xã hội.

- Trình bày được những đặc điểm của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.

- Trình bày được yêu cầu khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

**b. Nội dung**

- Hs làm bài tập 1,2,3 theo bảng so sánh và câu hỏi trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, phiếu học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  GV yêu cầu HS Hoàn thành bảng danh sách các kiến thức đã học ở bài 9.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **1. Truyện lịch sử**  - Truyện lịch sử là loại truyện lấy đề tài lịch sử (lịch sử quốc gia, dân tộc, dòng họ, danh nhân ...) làm nội dung chính. Trong khi kể lại các sự kiện, nhân vật, truyện lịch sử thường làm sống dậy bức tranh rộng lớn, sinh động về một thời đã qua và mang lại cho người đọc những nhận thức mới mẻ hay bài học sâu sắc.  - Đặc điểm của truyện lịch sử thể hiện qua các yếu tố như bối cảnh (thời gian – không gian), cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ...  - Bối cảnh (thời gian – không gian): Truyện lịch sử tái hiện sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với một khoảng thời gian năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. Quá khứ ấy thường cách xa thời điểm tác giả viết tác phẩm. Không gian truyện lịch sử gắn với thời gian, xác định niên đại, thời đại cụ thể. Trong bối cảnh (thời gian – không gian) ấy, cuộc sống con người và không khí thời đại hiện lên rõ nét, không lẫn với thời gian, không gian khác.  - Cốt truyện đơn tuyến là cốt truyện chỉ có một chuỗi sự kiện đơn giản, gắn với một vài nhân vật chính tạo thành một tuyển truyện duy nhất. Các truyện ngụ ngôn, truyện cười dân gian và phần lớn các truyện ngắn hiện đại thường có loại cốt truyện này.  - Cốt truyện đa tuyến là cốt truyện có từ hai chuỗi sự kiện trở lên, gắn với hai hay hơn hai tuyến nhân vật, tạo thành nhiều tuyển truyện, đan xen nhau và ít nhiều độc lập với nhau. Các tác phẩm tự sự nhiều chương hồi như truyện lịch sử, truyện khoa học viễn tưởng, truyện trinh thám, tiểu thuyết hiện đại ... thường dùng cốt truyện đa tuyến.  - Cốt truyện đa tuyến là cốt truyện có từ hai chuỗi sự kiện trở lên, gắn với hai hay hơn hai tuyến nhân vật, tạo thành nhiều tuyển truyện, đan xen nhau và ít nhiều độc lập với nhau. Các phẩm tự sự nhiều chương hội như truyện lịch sử, truyện khoa học viễn tưởng, truyện trinh thám, tiểu thuyết hiện đại ,... thường dùng cốt truyện đa tuyến.  - Cốt truyện trong truyện lịch sử: Truyện lịch sử cần kết nối nhiều loại sự kiện liên quan đến quá trình hình thành, hưng thịnh, diệt vong của các nhà nước, những biến cố lớn trong đời sống xã hội ở một quốc gia, quan hệ giữa các quốc gia,... nên thường sử dụng cốt truyện đa tuyến. Đó là kiểu cốt truyện trình bày một hệ thống sự kiện phức tạp, liên quan đến nhiều tuyến nhân vật vận động, phát triển đồng thời. Các tuyến sự kiện này có thể được kể song hành, đan xen nhau trong cùng một chương/ hồi của truyện. Ví dụ trong Hoàng Lê nhất thống chỉ có các tuyến truyện: (1) Tuyến về Chúa Trịnh – Vua Lê gắn với quá trình suy tàn của chính quyền phong kiến Lê – Trịnh dẫn đến cảnh triệt hạ, tàn sát lẫn nhau để tranh giành quyền lực; (2) Tuyến về Quang Trung Nguyễn Huệ với những chiến công oanh liệt từ những lần tiến quân ra Bắc dẹp loạn, đánh đuổi ngoại xâm, bảo vệ bờ cõi ...  - Nhân vật: Trong truyện lịch sử, nhân vật chính thường là những nhân vật mà cuộc sống, sự nghiệp của họ có ảnh hưởng đến tiến trình lịch sử của một dòng tộc, một quốc gia,... tên tuổi, công trạng được ghi chép trong lịch sử. Nhân vật phụ trong truyện thưởng do người viết bổ sung, có thể không có vai trò quan trọng về lịch sử, nhưng cần thiết cho việc làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính.  - Đối với các nhân vật, sự kiện có thật, gắn với bối cảnh thời gian – không gian xác định trong quá khứ, được các tài liệu lịch sử ghi chép lại hoặc người đời truyền tụng, người viết truyện lịch sử thường tôn trọng, tái hiện một cách chân thực. Nhưng để tái hiện, làm sống dậy các sự kiện, nhân vật ấy, nhà văn phải sử dụng trí tưởng tượng của mình để tạo ra các chi tiết về ngoại hình, hành vi, tâm lí, lời nói,... của nhân vật chính; tạo ra các nhân vật phụ, cảnh quan, không khí lịch sử bao quanh nhân vật. Vì thể, truyện lịch sử cần đến sự hư cấu.  - Ngôn ngữ Truyện lịch sử cần tái hiện bối cảnh cụ thể của một niên đại, thời đại đã qua nên ngôn ngữ tác phẩm thường mang đậm sắc thái lịch sử. Sắc thái này thể hiện qua các hệ thống chi tiết miêu tả thiên nhiên, đồ vật, ngoại hình nhân vật, cách sử dụng từ ngữ của người kể chuyện, cách nghĩ, cách nói năng của nhân vật trong một bối cảnh lịch sử cụ thể.  **2. Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến**   | **Kiểu câu** | **Chức năng** | **Đặc điểm** | | --- | --- | --- | | Câu kể  (Câu trần thuật) | Kể, miêu tả, thông báo, nhận định… | Thường kết thúc bằng dấu chấm (.) | | Câu hỏi  (Câu nghi vấn) | Hỏi. | - Sử dụng các từ nghi vấn (ai, gì, nào, tại sao, vì sao, bao giờ…)  - Kết thúc bằng dấu chấm hỏi (?) | | Câu cảm | Biểu lộ cảm xúc của người nói (hoặc người viết) | - Sử dụng các từ ngữ cảm thán: ôi, chao, chao ôi, chà, trời… hoặc các từ chỉ mức độ của cảm xúc như: quá, lắm, thật…  - Thường kết thúc bằng dấu chấm than (!). | | Câu khiến) | Yêu cầu, đề nghị, ra lệnh…) | - Sử dụng những từ ngữ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ, đi, nào…  - Thường kết thúc bằng dấu chấm than (!). |   **3. Câu khẳng định, câu phủ định**   | **Kiểu câu** | **Chức năng** | **Đặc điểm** | | --- | --- | --- | | Câu  khẳng định | Khẳng định các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc… trong câu. | - Thường không có phương tiện diễn đặt riêng.  - Có thể bắt gặp trong câu khẳng định những cấu trúc: không phải không, không thể không, không ai không… | | Câu  phủ định | Phủ nhận các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc… trong câu. | - Thường sử dụng các từ ngữ phủ định như: không, chẳng, không phải, chẳng phải, chả…  - Có thể bắt gặp trong câu phủ định những cấu trúc: làm gì…, mà…  Ví dụ: Nó làm gì biết. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Trình bày các bước để Viết bài văn giới thiệu một cuốn sách yêu thích.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **2. Kiểu bài viết**  - Viết bài văn giới thiệu một cuốn sách yêu thích. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  **Gv tổ chức cho Hs hoạt động cá nhân**  Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành trong bài nói và nghe.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thành câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **3. Những nội dung đã thực hành nói và nghe**  - Trình bày và giới thiệu về một cuốn sách. |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 1 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Nêu và giải thích một số đặc điểm chính của truyện lịch sử.  **Câu 2 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Chỉ ra đặc điểm của truyện lịch sử được thể hiện trong các văn bản đã học theo bảng  sau (làm vào vở)   | **Văn bản** | **Đặc điểm**  **về cốt truyện** | **Đặc điểm**  **về nhân vật** | **Đặc điểm**  **về bối cảnh** | **Đặc điểm**  **về ngôn ngữ** | | --- | --- | --- | --- | --- | | Hoàng Lê nhất thống chí. |  |  |  |  | | Viên tướng trẻ và con ngựa trắng. |  |  |  |  | | Bến Nhà Rồng năm ấy… |  |  |  |  |   **Câu 3 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):** Chỉ ra một số điểm giống nhau, khác nhau giữa văn bản truyện lịch sử và văn bản thơ kể chuyện lịch sử.  **Câu 4 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Các kiểu câu: câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến khác nhau như thế nào về đặc điểm và chức năng? Cho ví dụ minh hoạ.  - HS nhận nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội | **4. Luyện tập**  **Câu 1 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   - Truyện lịch sử là loại truyện lấy đề tài lịch sử (lịch sử quốc gia, dân tộc, dòng họ, danh nhân,...) làm nội dung chính. Trong khi kể lại các sự kiện, nhân vật, truyện lịch sử thường làm sống dậy bức tranh rộng lớn, sinh động về một thời đã qua và mang lại cho người đọc những nhận thức mới mẻ hay bài học sâu sắc.  - Đặc điểm của truyện lịch sử thể hiện qua các yếu tố như bối cảnh (thời gian không gian), cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ,...  + Bối cảnh (thời gian – không gian): Truyện lịch sử tái hiện sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với một khoảng thời gian năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. Quá khứ ấy thường cách xa thời điểm tác giả viết tác phẩm. Không gian truyện lịch sử gắn với thời gian, xác định niên đại, thời đại cụ thể. Trong bối cảnh (thời gian – không gian) ấy, cuộc sống con người và không khí thời đại hiện lên rõ nét, không lẫn với thời gian, không gian khác.  + Cốt truyện đơn tuyến là cốt truyện chỉ có một chuỗi sự kiện đơn giản, gắn với một vài nhân vật chính tạo thành một tuyến truyện duy nhất. Các truyện ngụ ngôn, truyện cười dân gian và phần lớn các truyện ngắn hiện đại thường có loại cốt truyện này.  + Cốt truyện đa tuyến là cốt truyện có từ hai chuỗi sự kiện trở lên, gắn với hai hay hơn hai tuyến nhân vật, tạo thành nhiều tuyến truyện, đan xen nhau và ít nhiều độc lập với nhau. Các tác phẩm tự sự nhiều chương hồi như truyện lịch sử, truyện khoa học viễn tưởng, truyện trinh thám, tiểu thuyết hiện đại,... thường dùng cốt truyện đa tuyến.  + Cốt truyện trong truyện lịch sử: Truyện lịch sử cần kết nối nhiều loại sự kiện liên quan đến quá trình hình thành, hưng thịnh, diệt vong của các nhà nước, những biến cố lớn trong đời sống xã hội ở một quốc gia, quan hệ giữa các quốc gia,... nên thường sử dụng cốt truyện đa tuyến. Đó là kiểu cốt truyện trình bày một hệ thống sự kiện phức tạp, liên quan đến nhiều tuyến nhân vật vận động, phát triển đồng thời. Các tuyến sự kiện này có thể được kể song hành, đan xen nhau trong cùng một chương/ hồi của truyện. Ví dụ trong Hoàng Lê nhất thống chỉ có các tuyến truyện: (1) Tuyến về Chúa Trịnh – Vua Lê gắn với quá trình suy tàn của chính quyền phong kiến Lê – Trịnh dẫn đến cảnh triệt hạ, tàn sát lẫn nhau để tranh giành quyền lực; (2) Tuyến về Quang Trung Nguyễn Huệ với những chiến công oanh liệt từ những lần tiến quân ra Bắc dẹp loạn, đánh đuổi ngoại xâm, bảo vệ bờ cõi,...  + Nhân vật: Trong truyện lịch sử, nhân vật chính thường là những nhân vật mà cuộc sống, sự nghiệp của họ có ảnh hưởng đến tiến trình lịch sử của một dòng tộc, một quốc gia,... tên tuổi, công trạng được ghi chép trong lịch sử. Nhân vật phụ trong truyện thường do người viết bổ sung, có thể không có vai trò quan trọng về lịch sử, nhưng cần thiết cho việc làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính.  + Ngôn ngữ: Truyện lịch sử cần tái hiện bối cảnh cụ thể của một niên đại, thời đại đã qua nên ngôn ngữ tác phẩm thường mang đậm sắc thái lịch sử. Sắc thái này thể hiện qua các hệ thống chi tiết miêu tả thiên nhiên, đồ vật, ngoại hình nhân vật, cách sử dụng từ ngữ của người kể chuyện, cách nghĩ, cách nói năng của nhân vật trong một bối cảnh lịch sử cụ thể.  **Câu 2 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   | **Văn bản** | **Đặc điểm**  **về cốt truyện** | **Đặc điểm**  **về nhân vật** | **Đặc điểm**  **về bối cảnh** | **Đặc điểm**  **về ngôn ngữ** | | --- | --- | --- | --- | --- | | Hoàng Lê nhất thống chí. | - Là chuỗi sự kiện theo trình tự thời gian.  - Là cốt truyện đa tuyến về sự kiện, nhân vật. | Nhân vật lịch sự, có nhân vật cao cả - anh hùng, có nhân vật thấp kém – đê hèn. | Thời suy thoái của Vua Lê – chúa Trịnh; thời Quang Trung đại phá quân Thanh. | Viết bằng chữ Hán, ngôn ngữ cổ kính, theo lối truyện chương hồi. | | Viên tướng trẻ và con ngựa trắng. | Là chuỗi sự kiện theo trình tự thời gian; đa tuyến về nhân vật. | Nhân vật lịch sự, hiện thân cho những phẩm chất anh hùng. | Thời quân – dân nhà Trần ba lần đánh tan quân Mông – Nguyên xâm lược. | Viết bằng tiếng Việt hiện đại. | | Bến Nhà Rồng năm ấy… | Sự kiện diễn ra trong một thời điểm quan trọng; đơn tuyến về nhân vật, sự kiện. | Nhân vật lịch sự, lãnh tụ cách mạng giải phóng dân tộc, hiện thân cho ý chí độc lập, tự do. | Thời trẻ của Bác Hồ, lúc Bác ra đi tìm đường giải phóng dân tộc. | Viết bằng tiếng Việt hiện đại. |   **Câu 3 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   | **Giống nhau** | **Khác nhau** | | --- | --- | | Về nội dung, cảm hứng:  - Đề tài lịch sử.  - Dựa vào các ghi chép, truyền tụng về nhân vật, sự kiện lịch sử.  - Tinh thần tôn vinh nhân vật anh hùng trong lịch sử và tinh thần tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc.  - … | Về hình thức thể hiện:  - Văn bản thơ kể chuyện lịch sử dùng văn vần (lục bát) hàm súc, chủ yếu kể sự việc, hành động; văn bản truyện lịch sử dùng văn xuôi (chữ Hán hoặc tiếng Việt hiện đại).  - Văn bản thơ kể chuyện lịch sử; cốt truyện, nhân vật khá đơn giản, văn bản truyện lịch sử: cốt truyện, nhân vật đa dạng, phức tạp hơn.  - … |   **Câu 4 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   | **STT** | **Kiểu câu** | **Nội dung** | **Hình thức** | **Ví dụ** | | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | Câu hỏi | - Dùng để hỏi về những điều chưa biết.  - Bày tỏ thái độ khen, chê, yêu cầu… | - Có từ để hỏi: ai, gì, nào, sao…  - Kết câu có dấu chấm hỏi “?” | - Ai vừa để xe trước cửa nhà vậy? | | **2** | Câu cầu khiến | - Nêu đề nghị, mong muốn của người nói, người viết với người khác. | - Có các từ cầu khiến:  + Hãy, đừng… trước động từ.  + Lên, đi, thôi…. ở cuối câu.  + Mong, đề nghị… ở đầu câu.  - Kết câu có dấu chấm than “!”. | - Cậu đừng đi!  - Các bạn nhanh lên!  - Mong em bé luôn ngoan ngoãn! | | **3** | Câu cảm thán | - Bộ lộ cảm xúc của người nói, người viết. | - Có các từ cảm thán: ôi chao, trời, quá, lắm…  - Kết câu có dấu chấm than “!” | - Ôi chao, bông hoa đẹp quá! | | **4** | **Câu kể** | Kể, miêu tả, thông báo, nhận định… | - Thường kết thúc bằng dấu chấm “.” | Mùa xuân có khí hậu ấm áp. | |

**D.  HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 5 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Khi viết một bài văn kể lại một chuyến đi, cần đặc biệt lưu ý những điều gì?    **Câu 6 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Nêu một vài kinh nghiệm rút ra trong việc nắm bắt nội dung chính sau khi nhóm đã trao đổi về một vấn đề lịch sử, xã hội.  **Câu 7 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Lịch sử dân tộc khi được thể hiện qua các tác phẩm văn học có gì độc đáo, thú vị?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **Câu 5 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Khi viết bài văn kể lại một chuyến đi, cần lưu ý những điều sau:  + Cần phải sắp xếp sự việc theo trình tự thời gian.  + Thuật lại được diễn biến của chuyển đi cũng như các sự việc quan trọng.  + Tạo được điểm nhấn để tránh dàn trải, dài dòng.  + Kết hợp tự nhiên các yếu tố miêu tả, biểu cảm....  **Câu 6 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Một vài kinh nghiệm rút ra trong việc nắm bắt nội dung chính sau khi nhóm đã trao đổi về một vấn đề lịch sử, xã hội là:  + Sắp xếp và triển khai các ý lần lượt theo một trình tự (không gian, thời gian).  + Thống nhất lựa chọn các dẫn chứng, dấu mốc lịch sử quan trọng.  + ….  **Câu 7 (trang 98 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Tái hiện lại quá khứ để người đọc, thế hệ sau hiểu rõ quá trình, giá trị, thành quả mà cha ông đã vất vả hi sinh để giành về độc lập tự do.  - Giúp người đọc thấy rõ, tường tận hơn quá trình vất vả dựng nước, giữ nước.  - … |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**